

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIUỘC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12-7-2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC – TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Lý

Ông Nguyễn Công Danh

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Chánh Nhật- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 309/2022/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Bích H, sinh năm: 1989; Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn G, huyện G, tỉnh A. (Có đơn xin vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm: 1986; Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn G, huyện G, tỉnh A. (Có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Bích H: Bà Nguyễn Bích H yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn H1; về con chung, có 03 con chung tên là Nguyễn Như N, sinh ngày 26/4/2011, Nguyễn Khánh H sinh ngày 24/8/2015 và Nguyễn Phú T sinh ngày 04/02/2019. Hiện các con chung đang sống với ông H1, bà H đồng ý giao 02 con chung Nguyễn Như N và Nguyễn Khánh H cho ông H1 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, bà H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phú T, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung bà H không yêu cầu giải quyết; về án phí, bà H đồng ý chịu toàn bộ án phí.

Yêu cầu, đề nghị của ông Nguyễn Văn H1: Ông H1 vắng mặt không có ý kiến

Các tài liệu chứng cứ của vụ án:

Chứng cứ do bà Nguyễn Bích H cung cấp: Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của bà H (bản sao); giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); 03 giấy khai sinh con chung (bản sao), bản tự khai, đơn xác nhận cư trú.

Chứng cứ do ông Nguyễn Văn H1 cung cấp: Không có

Các tình tiết của vụ án:

Bà H trình bày: Bà H và ông H1 đến với nhau do quen biết, không tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Kim, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An vào năm 2011, theo giấy chứng nhận kết hôn số 87/2011, ngày 06/06/2011. Quá trình vợ chồng chung sống có hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vấn đề kinh tế gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm. Hiện nay, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2022 đến nay. Nay bà H xác định không còn tình cảm với ông H1 xin ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà căn cứ các kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nơi cư trú và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, xét vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An và quan hệ tranh chấp ly hôn căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Bích H: bà Nguyễn Bích H, ông Nguyễn Văn H1 có đơn xin vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt bà H và ông H1.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Bích H và ông Nguyễn Văn H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Kim huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An vào năm 2011 đúng với quy định tại Khoản 1 Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Bà H yêu cầu ly hôn với ông H1 do trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể giải quyết. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, ông H1 không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản để thể hiện ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà H, cho thấy ông H1 không có thiện chí để vợ chồng hòa giải đoàn tụ. Hơn nữa, bà H cương quyết xin ly hôn và không yêu cầu hòa giải đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Bích H là phù hợp với Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt*

được”, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Bích H đối với ông Nguyễn Văn H1.

[4] Về con chung: có 03 con chung tên là Nguyễn Như N, sinh ngày 26/4/2011, Nguyễn Khánh H sinh ngày 24/8/2015 và Nguyễn Phú T sinh ngày 04/02/2019. Hiện các con chung đang sống với ông H1, bà H đồng ý giao 02 con chung Nguyễn Như N và Nguyễn Khánh H cho ông H1 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, bà H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phú T, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, ông H1 có gửi văn bản phản đối với yêu cầu của bà H, mặt khác cháu Ngọc và Cháu Hưng có nguyện vọng sống với ông H1. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, giao cho ông Nguyễn Văn H1 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Nguyễn Như N, sinh ngày 26/4/2011, Nguyễn Khánh H sinh ngày 24/8/2015, bà Nguyễn Bích H nuôi dưỡng con chung Nguyễn Phú T sinh ngày 04/02/2019. Về cấp dưỡng nuôi con bà H và ông H1 không có yêu cầu nên Hội đồng không xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Bích H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 các Điều 35, Điều 39, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Bích H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Bích H được ly hôn với ông Nguyễn Văn H1.

2. Về con chung: Giao cho ông Nguyễn Văn H1 được quyền nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Như N, sinh ngày 26/4/2011, Nguyễn Khánh H sinh ngày 24/8/2015. Bà Nguyễn Bích H nuôi dưỡng con chung Nguyễn Phú T sinh ngày 04/02/2019. Về cấp dưỡng nuôi con bà H và ông H1 không có yêu cầu nên Hội đồng không xét.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau

khi ly hôn; Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; cấp dưỡng nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72, 81, 82, 83, 85, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Bích H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sung vào công quỹ Nhà nước. Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng mà bà H đã nộp theo biên lai thu số 0013430 ngày 05/05/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An sang án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- UBND xã Phước Lâm, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Phương Thảo